

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 200/2022/QĐST-HNGĐ

*Lạng Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 327/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi T biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Q.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung:** Chị T và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Thị Ngọc Khánh, sinh ngày 27/4/2015.

Chị T và anh Q thống nhất thoả thuận sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Ngọc

Khánh, sinh ngày 27/4/2015; anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 05/9/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị T, anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

**2.2. Về tài sản chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Q cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị T được sở hữu, sử dụng tài sản là thửa đất số 182 (lô 29), tờ bản đồ số 84, diện tích 100,0 m<sup>2</sup> có địa chỉ tại: Thôn Ngoài, xã TL, huyện LG, tỉnh BG đã được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số CD 510071 (vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03182) ngày 02/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị T. Trên thửa đất này không có tài sản gì, giá trị thửa đất nêu trên là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà chị T được sở hữu, sử dụng là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trích chia cho anh Nguyễn Xuân Q số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

- Anh Nguyễn Xuân Q được nhận số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) từ chị Nguyễn Thị T trích chia

Tổng tài sản anh Q được nhận là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã bàn giao cho anh Nguyễn Xuân Q số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) vào ngày 08/9/2022 (có biên bản giao nhận tiền giữa các bên).

**2.3. Về công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết T vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**2.4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:** Chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền này và đã chi phí hết.

**2.5. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm bằng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0013019 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại chị T 11.850.000đ (Mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai vừa nêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Thiêm**